

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ PHÁT
TRIỂN ĐÔ THỊ HUYỆN LONG ĐIỀN**

Báo cáo tài chính hợp nhất

đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2024

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Dịch vụ và Đầu tư Phát triển Đô thị huyện Long Điền (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát chung về Công ty

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Công trình Đô thị và Dịch vụ Công cộng huyện Long Điền theo Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 23 tháng 03 năm 2010 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3500383042, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tên tiếng nước ngoài : Long Dien Urban Development Services And Investment Joint Stock Company.
Trụ sở chính : Số 148 Mạc Thanh Đàm, KP. Long Tân, TT. Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Điện thoại : 0254 3862036
Fax : 0254 3652978
E-Mail : ctydothilongdien@gmail.com

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty:

Tổ chức thực hiện các dịch vụ vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường sinh thái, thu gom vận chuyển và xử lý rác, trồng và chăm sóc cây xanh tại các công viên, vỉa hè, bãi tắm và các di tích lịch sử; Dịch vụ trang trí hoa kiểng, cây xanh cho các công trình công cộng;
Quản lý và vận hành đèn chiếu sáng công cộng; Duy tu sửa chữa hệ thống đèn chiếu sáng công cộng;
Duy tu bảo dưỡng điện trung thế, hạ thế, trạm biến áp có điện áp từ 22KV trở xuống;
Thi công xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng công cộng và dân dụng, điện hạ thế đến 0,4KV, xây dựng và duy tu, sửa chữa nâng cấp đường giao thông và các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật công cộng và chỉnh trang đô thị;
Cho thuê nhà xưởng.

Vốn điều lệ : 15.200.000.000 đồng Việt Nam
Số lượng cổ phần : 1.520.000 cổ phần
Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng Việt Nam

Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Nghiệp Thiên Sinh	Lầu 3 Số 148 Mạc Thanh Đàm, KP. Long Tân, TT. Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	100%

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ năm 2024 - 2029 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Công ty CP Dịch vụ và Đầu tư Phát triển Đô thị huyện Long Điền thì Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc giải thể Công ty TNHH Nghiệp Thiên Sinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngoài ra, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17/01/2025
Ông Lê Văn Hải	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 17/01/2025
Ông Nguyễn Văn Long	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 17/01/2025
Ông Nguyễn Văn Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/01/2025
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/01/2025
Ông Nguyễn Minh Đạt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17/01/2025
Ông Trần Ngọc Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17/01/2025
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17/01/2025

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Long	Giám đốc	
Ông Lê Văn Hải	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17/01/2025
Ông Nguyễn Thanh Phong	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2024
Ông Trần Ngọc Hưng	Phó Giám đốc	

Ban kiểm soát

Ông Võ Xuân Thạnh	Trưởng ban	
Bà Bùi Thị Ngọc Doãn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/01/2025
Ông Trần Thanh Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/01/2025
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17/01/2025
Bà Dương Thúy Hằng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17/01/2025

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Long.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Vũng Tàu (VAC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Giám đốc

Nguyễn Văn Long

Long Điền, ngày 12 tháng 02 năm 2025

Số: **0217-11B** /2025/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty CP Dịch vụ và Đầu tư Phát triển Đô thị huyện Long Điền

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty CP Dịch vụ và Đầu tư Phát triển Đô thị huyện Long Điền, được lập ngày 12 tháng 02 năm 2025, từ trang 07 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Dịch vụ và Đầu tư Phát triển Đô thị huyện Long Điền tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp của Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Thị Hồng Anh
Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán
số: 0889-2023-127-1

Thay mặt và đại diện cho CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VŨNG TÀU
Vũng Tàu, ngày 17 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Đức Toàn
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán
số: 6377-2023-127-1

Mẫu số: B 01- Hâ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
			Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		18.760.096.746	21.315.116.461
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	8.999.749.359	1.817.535.457
111	Tiền		4.299.749.359	1.817.535.457
112	Các khoản tương đương tiền		4.700.000.000	-
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	2.400.000.000	3.760.000.000
121	Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.400.000.000	3.760.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		7.107.780.245	15.703.335.095
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	5.951.875.659	13.814.910.881
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	-
133	Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	1.155.904.586	1.888.424.214
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	Hàng tồn kho		-	-
141	Hàng tồn kho		-	-
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		252.567.142	34.245.909
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.5a	30.000.000	30.000.000
152	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		79.022.369	2.654.811
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.8a	143.544.773	1.591.098
154	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	Tài sản ngắn hạn khác		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		3.032.145.766	3.953.972.069
210	Các khoản phải thu dài hạn		79.000.000	-
211	Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	Phải thu dài hạn khác	V.4b	79.000.000	-
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	Tài sản cố định		2.705.873.334	3.439.254.984
221	Tài sản cố định hữu hình	V.6	2.705.873.334	3.439.254.984
222	Nguyên giá		16.326.452.403	18.025.635.403
223	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(13.620.579.069)	(14.586.380.419)
224	Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	Nguyên giá		-	-
226	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
227	Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		-	-
229	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
230	Bất động sản đầu tư		-	-
231	Nguyên giá		-	-
232	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
240	Tài sản dở dang dài hạn		-	-
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
250	Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
251	Đầu tư vào công ty con		-	-
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	Tài sản dài hạn khác		247.272.432	514.717.085
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.5b	247.272.432	514.717.085
262	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	Tài sản dài hạn khác		-	-
269	Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		21.792.242.512	25.269.088.530

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
			Số cuối năm	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		543.507.248	5.043.804.281
310	Nợ ngắn hạn		543.507.248	5.043.804.281
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.7	-	1.760.496.039
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.8b	462.755.786	643.654.055
314	Phải trả người lao động		-	-
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		-	1.986.530
316	Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.9	1.150.353	1.294.906.550
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	1.000.000.000
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.10	79.601.109	342.761.107
323	Quỹ bình ổn giá		-	-
324	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	Nợ dài hạn		-	-
331	Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	Chi phí phải trả dài hạn		-	-
334	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	Phải trả dài hạn khác		-	-
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
339	Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		21.248.735.264	20.225.284.249
410	Vốn chủ sở hữu	V.11	21.248.735.264	20.225.284.249
411	Vốn góp của chủ sở hữu		15.200.000.000	15.200.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		15.200.000.000	15.200.000.000
411b	Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
418	Quỹ đầu tư phát triển		3.041.994.562	3.041.994.562
419	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.006.740.702	1.983.289.687
421a	Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến cuối kỳ trước		663.949.685	428.921.203
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		2.342.791.017	1.554.368.484
422	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	-
430	Nguồn kinh phí		-	-
431	Nguồn kinh phí		-	-
432	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		21.792.242.512	25.269.088.530

Người lập biểu

Kế toán trưởng







Nguyễn Văn Long

Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2025

Trịnh Đức Hiệp

Trịnh Đức Hiệp

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

Mẫu số: B 02-Hà

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2024

		Đơn vị tính: đồng Việt Nam		
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	36.408.259.252	54.844.642.493
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		36.408.259.252	54.844.642.493
11	Giá vốn hàng bán	VI.2	29.188.013.053	47.013.361.797
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.220.246.199	7.831.280.696
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	210.618.041	271.828.909
22	Chi phí tài chính		4.764.155	1.986.530
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.764.155	1.986.530
24	Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	Chi phí bán hàng		-	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	4.501.847.095	4.161.621.542
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.924.252.990	3.939.501.533
31	Thu nhập khác		124.545.455	27.086.305
32	Chi phí khác		1.590.138	25.706.430
40	Lợi nhuận khác	VI.5	122.955.317	1.379.875
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.047.208.307	3.940.881.408
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.6	704.417.290	852.502.088
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.342.791.017	3.088.379.320
61	Lợi sau thuế của công ty mẹ		-	-
61	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	1.233	1.655

Người lập biểu

Trịnh Đức Hiệp

Trịnh Đức Hiệp

Kế toán trưởng

Trịnh Đức Hiệp

Trịnh Đức Hiệp



Nguyễn Văn Long

Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
			Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Lợi nhuận trước thuế		3.047.208.307	3.940.881.408
	Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		733.381.650	768.774.625
03	Các khoản dự phòng		-	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(335.163.496)	(296.357.528)
06	Chi phí lãi vay		4.764.155	1.986.530
08	Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi VLD		3.450.190.616	4.415.285.035
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		8.263.373.270	(5.294.459.236)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		-	4.600.000
11	Tăng, giảm các khoản phải trả		(2.049.655.936)	1.557.403.237
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		267.444.653	(183.691.239)
14	Tiền lãi vay đã trả		(6.750.685)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(663.166.636)	(568.504.107)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(594.500.000)	(699.400.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.666.935.282	(768.766.310)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng TS và tài sản dài hạn khác		-	(1.002.991.467)
22	Tiền thu thanh lý, bán TSCĐ, tài sản dài hạn khác		124.545.455	24.528.619
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.400.000.000)	(3.760.000.000)
24	Tiền thu cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		3.760.000.000	3.950.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		310.733.165	234.313.512
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.795.278.620	(554.149.336)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	Tiền thu từ đi vay		-	1.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.000.000.000)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.280.000.000)	(2.280.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.280.000.000)	(1.280.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		7.182.213.902	(2.602.915.646)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.817.535.457	4.420.451.103
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	8.999.749.359	1.817.535.457

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trịnh Đức Hiệp

Trịnh Đức Hiệp

Nguyễn Văn Long

Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Công trình Đô thị và Dịch vụ Công cộng huyện Long Điền theo Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 23 tháng 03 năm 2010 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3500383042, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ : 15.200.000.000 đồng Việt Nam
Số lượng cổ phần : 1.520.000 cổ phần
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng Việt Nam

2. Cấu trúc Công ty

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Nghiệp Thiên Sinh có trụ sở chính tại Lầu 3 số 148 Mạc Thanh Đàm, KP. Long Tân, TT. Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con là kinh doanh xây lắp. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ năm 2024 - 2029 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Công ty CP Dịch vụ và Đầu tư Phát triển Đô thị huyện Long Điền thì Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc giải thể Công ty TNHH Nghiệp Thiên Sinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3. Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ công ích và xây lắp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Lao động

Tổng số nhân viên của công ty tại ngày 31/12/2024: 54 người; (tại ngày 31/12/2023: 96 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo đồng Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 3 (ba) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền thì được coi là các khoản tương đương tiền.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 (ba) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo. Dự phòng phải thu khó đòi được trình bày trên một tài khoản riêng.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, giải thể hay các khó khăn tương tự hoặc các khoản phải thu có bằng chứng chắc chắn không thể thu được.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các khoản nợ phải thu được trích lập dự phòng không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm cho các sản phẩm lỗi thời, hư hỏng, kém mất phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng hoặc có thời gian sử dụng dưới 12 tháng.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu cho Công ty và chi phí đó được xác định một cách đáng tin cậy. Tất cả các chi phí sửa chữa và bảo trì khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	:	15 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	:	Đã hết khấu hao
- Phương tiện vận tải	:	06 - 10 năm

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hữu hình được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý, nhượng bán với giá trị còn lại và chi phí thanh lý, được ghi nhận là thu nhập khác (lãi) hoặc chi phí khác (lỗ) trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

8. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay và phải trả khác là các khoản nợ được xác định về giá trị và thời gian và được ghi nhận theo nghĩa vụ thực tế phát sinh trong tương lai, liên quan đến hàng hóa, dịch vụ Công ty đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quỹ

Lợi nhuận sau thuế được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt khi trích lập các quỹ theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Việc sử dụng các quỹ phải được sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc Giám đốc tùy thuộc vào bản chất của nghiệp vụ đã được nêu trong Điều lệ và quy chế quản lý tài chính của Công ty.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

mua giá rẻ (bắt lợi thương mại hay còn gọi là lợi thế thương mại âm). Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng nghiệm thu, xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của dịch vụ, hợp đồng xây dựng trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

14. Chi phí tài chính

Chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn. Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác

Gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Chi phí khác

Gồm những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của Công ty.

17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng tại công ty là: 20%.

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, các khoản nợ phải trả và việc trình bày các tài sản tiềm tàng và các khoản nợ phải trả tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự thận trọng và hiểu biết của Ban Giám đốc, số phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Giá trị hợp lý

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các Tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

Giá trị ghi sổ (giá gốc) trừ đi dự phòng đối với các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, hàng tồn kho, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải trả người bán và phải trả khác gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

V. THÔNG TIN TRÌNH BÀY BỔ SUNG CHO NỘI DUNG TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính là: đồng Việt Nam, trừ các trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	323.300.034	342.813.445
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.976.449.325	1.474.722.012
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam	3.751.390.326	1.021.047.158
Ngân hàng TMCP Quân Đội	225.058.999	453.674.854
Tiền gửi có kỳ hạn	4.700.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam ⁽ⁱ⁾	4.700.000.000	-
Cộng	8.999.749.359	1.817.535.457

(i) khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam hưởng lãi suất 2,1 - 3,8%/năm.

2. Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	2.400.000.000	3.760.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam ⁽ⁱ⁾	2.400.000.000	3.760.000.000
Cộng	2.400.000.000	3.760.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

(i) khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam theo Hợp đồng số 01/2024/HĐTG/NHNo-HLĐ ngày 25/01/2024 và hưởng lãi suất 4,7%/năm. Khoản tiền gửi này đang được cầm cố tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Long Điền theo Hợp đồng cầm cố số 79353.2024.03/HĐCC ngày 26/01/2024 để đảm bảo cho các khoản phát hành bảo lãnh theo thỏa thuận cấp bảo lãnh số: 79353.2024.03/HĐBL ngày 26/01/2024.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan		
Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Long Đất	3.548.786.998	7.824.123.818
Ban Quản lý Dự án và Đầu tư Xây dựng huyện Long Đất	1.290.111.559	3.104.523.428
UBND Thị trấn Long Điền, huyện Long Đất	231.816.481	1.337.143.494
UBND Xã Phước Hưng, huyện Long Đất	522.288.886	995.375.602
UBND Xã Tam An, huyện Long Đất	358.871.735	553.744.539
Cộng	5.951.875.659	13.814.910.881

4. Phải thu khác

a) Phải thu ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về cổ phần hoá	612.900.000	468.400.000
Tạm ứng	-	1.092.600.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	434.908.422	119.212.926
Phải thu khác	108.096.164	208.211.288
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	108.096.164	208.211.288
Cộng	1.155.904.586	1.888.424.214

b) Phải thu dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	79.000.000	-
Cộng	79.000.000	-

5. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí thuê đất	30.000.000	30.000.000
Cộng ⁽ⁱ⁾	30.000.000	30.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

(i) Chi tiết tăng, giảm chi phí trả trước ngắn hạn		Năm nay	Năm trước	
Số đầu năm		30.000.000	-	
Số tăng trong năm		120.000.000	60.000.000	
Phân bổ vào chi phí trong năm		(120.000.000)	(30.000.000)	
Số cuối năm		30.000.000	30.000.000	
b) Chi phí trả trước dài hạn		Cuối năm	Đầu năm	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng		16.512.976	52.305.097	
Chi phí sửa chữa thường xuyên		230.759.456	462.411.988	
Cộng ⁽ⁱⁱ⁾		247.272.432	514.717.085	
(ii) Chi tiết tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn		Năm nay	Năm trước	
Số đầu năm		514.717.085	361.025.846	
Số tăng trong năm		128.550.000	549.544.000	
Phân bổ vào chi phí trong năm		(395.994.653)	(395.852.761)	
Số cuối năm		247.272.432	514.717.085	
6. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.034.747.285	199.817.024	13.791.071.094	18.025.635.403
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.699.183.000)	(1.699.183.000)
Số dư cuối năm	4.034.747.285	199.817.024	12.091.888.094	16.326.452.403
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.322.174.634	199.817.024	11.064.388.761	14.586.380.419
Khấu hao trong năm	90.773.586	-	642.608.064	733.381.650
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.699.183.000)	(1.699.183.000)
Số dư cuối năm	3.412.948.220	199.817.024	10.007.813.825	13.620.579.069
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	712.572.651	-	2.726.682.333	3.439.254.984
Tại ngày cuối năm	621.799.065	-	2.084.074.269	2.705.873.334

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

(Tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	10.151.376.345	9.302.809.345

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng Đông Nam	-	201.777.260
Công ty CP Vật tư Thiết bị Vũng Tàu	-	150.448.950
Công ty TNHH TM XD Đạt Thiên	-	1.408.269.829
Cộng	-	1.760.496.039

Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan

Công ty TNHH TM XD Đạt Thiên	-	1.408.269.829
------------------------------	---	---------------

8. Thuế

a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa tại Công ty con	-	118.697.202	195.836.845	77.139.643
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa tại Công ty con	-	-	65.254.777	65.254.777
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa tại Công ty con	1.591.098	2.207.074	1.766.329	1.150.353
Cộng	1.591.098	120.904.276	262.857.951	143.544.773

b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	279.978.439	159.721.919	439.700.358	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	349.474.794	704.417.290	597.911.859	455.980.225
Thuế thu nhập cá nhân	14.200.822	133.339.803	140.765.064	6.775.561
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	27.040.729	27.040.729	-
Phí, lệ phí và phải nộp khác	-	6.590.138	6.590.138	-
Cộng	643.654.055	1.031.109.879	1.212.008.148	462.755.786

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

(Tiếp theo)

9. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ tức phải trả	-	1.292.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.150.353	2.906.550
Cộng	1.150.353	1.294.906.550

10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	342.761.107	78.950.271
Số trích trong năm	331.340.002	963.210.836
Số chi trong năm	(594.500.000)	(699.400.000)
Số cuối năm	79.601.109	342.761.107

11. Vốn góp của chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	15.200.000.000	3.041.994.562	3.430.121.203	21.672.115.765
Lãi trong năm trước	-	-	3.088.379.320	3.088.379.320
Trích lập các quỹ năm 2022	-	-	(721.200.000)	(721.200.000)
Chia cổ tức năm 2022	-	-	(2.280.000.000)	(2.280.000.000)
Trích lập các quỹ 6 tháng đầu năm 2023	-	-	(242.010.836)	(242.010.836)
Chia cổ tức 6 tháng đầu năm 2023	-	-	(1.292.000.000)	(1.292.000.000)
Số dư cuối năm trước	15.200.000.000	3.041.994.562	1.983.289.687	20.225.284.249
Số dư đầu năm nay	15.200.000.000	3.041.994.562	1.983.289.687	20.225.284.249
Lãi trong năm nay	-	-	2.342.791.017	2.342.791.017
Trích lập các quỹ (i)	-	-	(331.340.002)	(331.340.002)
Chia cổ tức (i)	-	-	(988.000.000)	(988.000.000)
Số dư cuối năm nay	15.200.000.000	3.041.994.562	3.006.740.702	21.248.735.264

(i) Trong năm, Công ty phân phối Lợi nhuận còn lại 6 tháng cuối năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2024.

Lợi nhuận năm 2024 chưa được phân phối, số liệu chính thức sẽ do Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

(Tiếp theo)

9. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ tức phải trả	-	1.292.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.150.353	2.906.550
Cộng	1.150.353	1.294.906.550

10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	342.761.107	78.950.271
Số trích trong năm	331.340.002	963.210.836
Số chi trong năm	(594.500.000)	(699.400.000)
Số cuối năm	79.601.109	342.761.107

11. Vốn góp của chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	15.200.000.000	3.041.994.562	3.430.121.203	21.672.115.765
Lãi trong năm trước	-	-	3.088.379.320	3.088.379.320
Trích lập các quỹ năm 2022	-	-	(721.200.000)	(721.200.000)
Chia cổ tức năm 2022	-	-	(2.280.000.000)	(2.280.000.000)
Trích lập các quỹ 6 tháng đầu năm 2023	-	-	(242.010.836)	(242.010.836)
Chia cổ tức 6 tháng đầu năm 2023	-	-	(1.292.000.000)	(1.292.000.000)
Số dư cuối năm trước	15.200.000.000	3.041.994.562	1.983.289.687	20.225.284.249
Số dư đầu năm nay	15.200.000.000	3.041.994.562	1.983.289.687	20.225.284.249
Lãi trong năm nay	-	-	2.342.791.017	2.342.791.017
Trích lập các quỹ (i)	-	-	(331.340.002)	(331.340.002)
Chia cổ tức (i)	-	-	(988.000.000)	(988.000.000)
Số dư cuối năm nay	15.200.000.000	3.041.994.562	3.006.740.702	21.248.735.264

(i) Trong năm, Công ty phân phối Lợi nhuận còn lại 6 tháng cuối năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2024.

Lợi nhuận năm 2024 chưa được phân phối, số liệu chính thức sẽ do Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn thực góp	Tỷ lệ %	Vốn thực góp	Tỷ lệ %
Vốn Nhà nước	4.560.000.000	30,00	4.560.000.000	30,00
Lê Văn Hải	4.204.000.000	27,66	4.864.000.000	32,00
Nguyễn Minh Đạt	2.686.100.000	17,67	2.026.100.000	13,33
Nguyễn Văn Long	310.080.000	2,04	310.080.000	2,04
Trần Ngọc Hưng	1.434.040.000	9,43	1.382.360.000	9,09
Cổ đông khác	2.005.780.000	13,20	2.057.460.000	13,54
Cộng	15.200.000.000	100	15.200.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
Vốn góp đầu năm	15.200.000.000	15.200.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	15.200.000.000	15.200.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.520.000	1.520.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.520.000	1.520.000
Cổ phiếu phổ thông	1.520.000	1.520.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.520.000	1.520.000
Cổ phiếu phổ thông	1.520.000	1.520.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đ/CP		
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	1.520.000	1.520.000

e) Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty phân phối Lợi nhuận còn lại 6 tháng cuối năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2024 như sau:

Chia cổ tức cho các cổ đông	:	988.000.000 đồng
Trích quỹ đầu tư phát triển	:	0 đồng
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	:	281.748.771 đồng
Trích thưởng Ban Điều hành	:	49.591.231 đồng

Ngoài ra theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2024, Công ty đã dự kiến chia cổ tức năm 2024 cho các cổ đông với mức 11%/vốn chủ sở hữu. Tổng số cổ tức sẽ trả ước tính khoảng 1.672.000.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

(Tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính là: đồng Việt Nam, trừ các trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.017.183.187	27.667.728.509
Doanh thu hợp đồng xây dựng	19.391.076.065	27.176.913.984
Cộng	36.408.259.252	54.844.642.493

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh VIII.2).

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.998.526.807	22.809.282.303
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	17.189.486.246	24.204.079.494
Cộng	29.188.013.053	47.013.361.797

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	210.618.041	271.828.909
Cộng	210.618.041	271.828.909

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên quản lý	2.542.914.978	2.622.022.207
Chi phí hội nghị, tiếp khách	290.884.280	472.809.660
Tiền trợ cấp thôi việc	727.575.476	121.895.100
Chi phí khác	940.472.361	944.894.575
Cộng	4.501.847.095	4.161.621.542

5. Lợi nhuận khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Thu nhập bán, thanh lý TSCĐ ⁽ⁱ⁾	124.545.455	27.086.305
Thu nhập khác	124.545.455	24.528.619
	-	2.557.686
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	1.590.138	25.706.430
Chi phí khác	1.590.138	-
	-	25.706.430
Lợi nhuận khác	122.955.317	1.379.875

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

(i) Thu thanh lý, bán tài sản: 124.545.455 đồng; Chi phí thanh lý TSCĐ: 0 đồng, giá trị còn lại TSCĐ: 0 đồng.

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.047.208.307	3.940.881.408
Các khoản điều chỉnh tăng	474.878.144	321.629.030
Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	50.000.000	30.000.000
Các khoản nộp phạt	1.590.138	-
Chi phí khấu hao không được trừ	291.288.006	94.110.000
Chi phí không được trừ khác	132.000.000	197.519.030
Tổng lợi nhuận tính thuế	3.522.086.451	4.262.510.438
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	704.417.290	852.502.088

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.342.791.017	3.088.379.320
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận	(468.558.203)	(573.350.838)
Giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽ⁱ⁾	(468.558.203)	(573.350.838)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	1.874.232.814	2.515.028.482
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.520.000	1.520.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.233	1.655

(i) Số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 là số liệu ước tính dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm 2024 được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty. Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2024 có thể sẽ thay đổi khi Công ty có quyết định về việc trích quỹ trong tương lai.

Số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 được Công ty điều chỉnh lại theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2024. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được trình bày lại như sau:

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm trước	
	Số trình bày lại	Số đã báo cáo
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.088.379.320	3.088.379.320
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận	(573.350.838)	(617.675.864)
Giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(573.350.838)	(617.675.864)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	2.515.028.482	2.470.703.456
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.520.000	1.520.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.655	1.625

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.178.454.428	24.316.795.380
Chi phí nhân công	9.265.721.128	17.172.700.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	733.381.650	768.774.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.165.145.201	5.244.548.151
Chi phí khác bằng tiền	3.347.157.741	3.672.164.991
Cộng	33.689.860.148	51.174.983.339

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Đơn vị tính là: đồng Việt Nam, trừ các trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. Tiền thu từ đi vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	-	1.000.000.000
Cộng	-	1.000.000.000

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	1.000.000.000	-
Cộng	1.000.000.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ năm 2024 - 2029 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Công ty CP Dịch vụ và Đầu tư Phát triển Đô thị huyện Long Điền thì Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc giải thể Công ty TNHH Nghiệp Thiên Sinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngoài ra, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Bên liên quan

Công ty TNHH Nghiệp Thiên Sinh
Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Long Đất
Văn phòng HĐND và UBND huyện Long Đất
Ban Quản lý Dự án và Đầu tư Xây dựng huyện Long Đất
UBND Thị trấn Long Điền, huyện Long Đất
UBND Xã Phước Hưng, huyện Long Đất
UBND Xã Tam An, huyện Long Đất

Mối quan hệ

Công ty con
Cùng chủ sở hữu
Cùng chủ sở hữu
Cùng chủ sở hữu
Cùng chủ sở hữu
Cùng chủ sở hữu

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Nội dung nghiệp vụ

Doanh thu bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Long Đất	36.408.259.252	54.844.642.493
Ban Quản lý Dự án và Đầu tư Xây dựng huyện Long Đất	26.920.953.387	30.031.727.402
Văn phòng HĐND và UBND huyện Long Đất	7.251.257.267	14.176.415.389
UBND Thị trấn Long Điền, huyện Long Đất	2.236.048.598	2.179.620.684
UBND Xã Phước Hưng, huyện Long Đất	-	4.153.106.965
UBND Xã Tam An, huyện Long Đất	-	2.356.896.073
	-	1.946.875.980

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc

		Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị			
Ông Lê Văn Hải	Chủ tịch	451.168.400	441.446.400
Ông Nguyễn Văn Long	Phó Chủ tịch	42.000.000	42.000.000
Ông Nguyễn Minh Đạt	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Trần Ngọc Hưng	Thành viên	313.168.400	303.446.400
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ban Giám đốc			
Ông Nguyễn Văn Long	Giám đốc	30.000.000	30.000.000
Ông Lê Văn Hải	Phó Giám đốc	855.148.200	963.334.800
Ông Nguyễn Thanh Phong	Phó Giám đốc	283.168.400	273.446.400
Ông Trần Ngọc Hưng	Phó Giám đốc	259.213.400	250.405.200
		85.147.200	219.741.600
		227.619.200	219.741.600
Ban Kiểm soát			
Ông Võ Xuân Thanh	Trưởng ban	433.652.500	425.677.120
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên	162.042.400	158.016.400
Bà Dương Thúy Hằng	Thành viên	158.442.400	154.416.400
		113.167.700	113.244.320

Cộng

1.739.969.100	1.830.458.320
---------------	---------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Kinh doanh dịch vụ công ích: thực hiện các dịch vụ vệ sinh môi trường, thu gom vận chuyển và xử lý rác, trồng và chăm sóc cây xanh tại các công viên, vỉa hè, bãi tắm và các di tích lịch sử; Dịch vụ trang trí hoa kiểng, cây xanh cho các công trình công cộng; Quản lý, duy tu và vận hành đèn chiếu sáng công cộng; Duy tu bảo dưỡng điện trung thế, hạ thế, trạm biến áp có điện áp từ 22KV trở xuống.

Xây dựng: Thi công xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng công cộng và dân dụng, điện hạ thế đến 0,4KV, xây dựng và duy tu, sửa chữa nâng cấp đường giao thông và các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật công cộng và chỉnh trang đô thị.

Năm nay	Dịch vụ công ích	Xây dựng	Tổng cộng
Doanh thu bộ phận	17.017.183.187	19.391.076.065	36.408.259.252
Chi phí bộ phận	(11.998.526.807)	(17.189.486.246)	(29.188.013.053)
Kết quả kinh doanh	5.018.656.380	2.201.589.819	7.220.246.199

Doanh thu tài chính			210.618.041
Chi phí tài chính			(4.764.155)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(4.501.847.095)
Thu nhập khác			124.545.455
Chi phí khác			(1.590.138)
Thuế thu nhập DN hiện hành			(704.417.290)
Lợi nhuận sau thuế			2.342.791.017

Năm trước	Dịch vụ công ích	Xây dựng	Tổng cộng
Doanh thu bộ phận	27.667.728.509	27.176.913.984	54.844.642.493
Chi phí bộ phận	(22.809.282.303)	(24.204.079.494)	(47.013.361.797)
Kết quả kinh doanh	4.858.446.206	2.972.834.490	7.831.280.696

Doanh thu tài chính			271.828.909
Chi phí tài chính			(1.986.530)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(4.161.621.542)
Thu nhập khác			27.086.305
Chi phí khác			(25.706.430)
Thuế thu nhập DN hiện hành			(852.502.088)

Lợi nhuận sau thuế			3.088.379.320
---------------------------	--	--	----------------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. Thông tin về số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vũng Tàu.

5. Thông tin về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

6. Thông tin khác

Theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại Doanh nghiệp Nhà nước, Doanh nghiệp có vốn Nhà nước giai đoạn 2022-2025 thì Công ty CP Dịch vụ và Đầu tư Phát triển Đô thị huyện Long Điền sẽ thoái hết phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp giai đoạn 2022-2023. Tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán, Công ty vẫn chưa hoàn tất việc thoái vốn.

Người lập biểu



Trịnh Đức Hiệp

Kế toán trưởng



Trịnh Đức Hiệp



Nguyễn Văn Long

Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2025

